

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/DS-ST

Ngày: 31-03-2025

V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản, hợp đồng mua
bán tài sản, hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thái Quân
- Ông Đặng Anh Doan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 812/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quách Thanh P, sinh năm 1977; nơi cư trú: D N, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 20/12/2024), có mặt;

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trương Văn P1 (S), sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

2.2. Bà Lê Thị Mỹ T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Do quen biết nên ngày 19/11/2022 ông T cho vợ chồng ông P1, bà T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, bà T1 có làm biên nhận nợ. Đến ngày 27/4/2024 ông P1, bà T1 vay thêm số tiền 380.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, ông P1 có làm biên nhận nợ, từ tháng 4/2024 cho đến nay không trả lãi. Trong năm 2024, vợ chồng ông P1, bà T1 có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và nợ ông T số tiền 14.800.000 đồng. Đồng thời, ông P1 và bà T1 có tham gia hội với ông T và còn nợ hội số tiền 64.000.000 đồng. Vì vậy, ông Nguyễn Xuân T yêu cầu ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1 có trách nhiệm liên đới trả tiền vốn vay còn nợ 430.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 27/04/2024 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất quy định của pháp luật; tiền nợ mua vật tư nông nghiệp 14.800.000 đồng và tiền hội 64.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng mua bán tài sản (vật tư nông nghiệp) 14.800.000 đồng, tiền nợ hội 64.000.000 đồng và rút lại yêu cầu tính lãi đối với hợp đồng vay tài sản.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Biên nhận ngày 19/11/2022, có chữ ký người vay bà T1 và biên nhận ngày 27/4/2024, có chữ ký người vay ông P1 (bản photo).

Bị đơn: ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu trả tiền nợ vật tư nông nghiệp 14.800.000 đồng và tiền hội 64.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi đối với hợp đồng vay 430.000.000 đồng, xác định không còn tài liệu chứng cứ nào khác để cung cấp.

Bị đơn ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ Thanh vắng M.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông P1, bà T1 trả tiền nợ vật tư nông nghiệp 14.800.000 đồng và tiền nợ hội 64.000.000 đồng và đình chỉ yêu cầu tính lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T đối với ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1.

Buộc ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân T số nợ vay 430.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về hợp đồng dân sự vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn có nơi cư trú tại khu vực huyện P. Nên, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi mở phiên tòa, bị đơn ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn cho rằng, vào ngày 19/11/2022 ông P1, bà T1 vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 27/4/2024 ông P1, bà T1 vay thêm 380.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, khi vay ông P1, bà T1 có lập biên nhận nợ, từ ngày 27/4/2024 cho đến nay, ông P1, bà T1 chưa trả lãi.

Lời khai này của ông T phù hợp với nội dung biên nhận nợ ngày 19/11/2022, có chữ ký người vay bà T1 và biên nhận nợ ngày 27/4/2024, có chữ ký người vay ông P1.

Quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn nhận văn bản nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó theo quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì: chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý. Căn cứ vào nội dung của biên nhận thì có đủ cơ sở để xác định ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1 có vay của ông Nguyễn Xuân T ngày 19/11/2022 số tiền 50.000.000 đồng, ngày 27/4/2024 số tiền 380.000.000 đồng. Vì vậy, ông T yêu cầu ông P1, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ 430.000.000 đồng là có cơ sở. Đồng thời, đến thời điểm xét xử ông P1, bà T1 cũng không cung cấp cho Tòa án được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ. Việc, ông P1, bà T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp của mình nên Tòa án chỉ căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết.

[2.2]. Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hợp đồng vay tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông P1, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vốn 430.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với, việc rút yêu cầu của nguyên đơn về hợp đồng mua bán tài sản (vật tư nông nghiệp) với số tiền 14.800.000 đồng và hợp đồng góp hụi số tiền 64.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi phát sinh của hợp đồng vay là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về hợp đồng mua bán tài sản (vật tư nông nghiệp) số tiền 14.800.000 đồng và hợp đồng góp hụi số tiền 64.000.000 đồng và lãi suất của hợp đồng vay là phù hợp.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.200.000 đồng.

Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.160.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227; Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 466; 468; 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T đối với ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1 về hợp đồng mua bán tài sản (vật tư nông nghiệp) số tiền là 14.800.000 đồng và hợp đồng góp hụi với số tiền là 64.000.000 đồng và đình chỉ yêu cầu tính lãi suất đối với hợp đồng vay tài sản.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T đối với ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1.

Buộc ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền là 430.000.000 (Bốn trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Văn P1 và bà Lê Thị Mỹ T1 phải chịu 21.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền tạm ứng án phí 12.160.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011667 ngày 09/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Trần Ngọc Diệu